

ĐẠI HỌC THAI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19.9.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE4.22

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62626850200000001	DO PHUONG MAI	女	2009-01-12	001309003061	LE4.22	
2	H62626850200000002	NGO THU PHUONG	女	2009-03-28	001309032228	LE4.22	
3	H62626850200000003	NGO THI QUYNH	女	2003-11-12	006303000619	LE4.22	
4	H62626850200000004	NGUYEN THI LOAN	女	1993-02-03	019193003982	LE4.22	
5	H62626850200000005	TRAN THI HUONG LY	女	1996-02-26	019196006973	LE4.22	
6	H62626850200000006	NGUYEN THI HIEN	女	2001-05-19	019301009960	LE4.22	
7	H62626850200000007	LE HUONG GIANG	女	2003-10-09	019303008648	LE4.22	
8	H62626850200000008	HOANG THI XUNG	女	1992-06-26	020192008314	LE4.22	
9	H62626850200000009	HOANG THI HONG NGOC	女	2002-09-27	020302000047	LE4.22	
10	H62626850200000010	LY THI HANG	女	1992-09-20	022192005349	LE4.22	
11	H62626850200000011	NGUYEN THI THU TRA	女	2002-04-27	022302001907	LE4.22	
12	H62626850200000012	LE THI HAI YEN	女	2002-11-19	022302003396	LE4.22	
13	H62626850200000013	NGUYEN BAO AN	女	2009-04-17	022309008878	LE4.22	
14	H62626850200000014	TA VAN NINH	男	2008-09-07	024208012218	LE4.22	
15	H62626850200000015	VI KY KHOA	男	2009-08-14	024209003352	LE4.22	
16	H62626850200000016	PHAM THI HOANG YEN	女	2001-01-26	024301009803	LE4.22	
17	H62626850200000017	DUONG DOAN PHUONG THAO	女	2009-02-09	024309006113	LE4.22	
18	H62626850200000018	NGUYEN NHU QUYNH	女	2005-10-30	025305001048	LE4.22	
19	H62626850200000019	NGUYEN THI HANG	女	1995-07-18	027195000250	LE4.22	
20	H62626850200000020	NGUYEN THI THUY	女	1997-03-29	027197000538	LE4.22	
21	H62626850200000021	TRAN PHUNG DUC MINH	男	2009-01-14	027209009592	LE4.22	
22	H62626850200000022	NGUYEN THI HAI YEN	女	2001-12-31	027301001357	LE4.22	
23	H62626850200000023	NGHIEM THI LINH	女	1998-12-21	030198002758	LE4.22	
24	H62626850200000024	DAO THI NGOC OANH	女	1989-10-13	034189000547	LE4.22	
25	H62626850200000025	PHAM MINH HUNG	男	2003-10-11	034203013808	LE4.22	
26	H62626850200000026	VU NGOC LAM	女	2005-09-10	035305004954	LE4.22	
27	H62626850200000027	TRAN TIEN PHUONG	男	1993-03-30	036093008457	LE4.22	
28	H62626850200000028	TRAN THI NGUYET	女	1998-10-06	036198014175	LE4.22	
29	H62626850200000029	TRAN THI KHUYEN	女	1999-06-16	036199000792	LE4.22	
30	H62626850200000030	VU THU TRANG	女	2000-04-02	036300003158	LE4.22	
31	H62626850200000031	PHAM THI DOAN TRANG	女	2007-01-21	036307011033	LE4.22	
32	H62626850200000032	TRAN THI THU HIEN	女	2001-10-10	038301012308	LE4.22	
33	H62626850200000033	NGUYEN THI THAO ANH	女	2004-09-07	038304002394	LE4.22	
34	H62626850200000034	NGUYEN HOANG THUY ANH	女	2006-10-13	038306014753	LE4.22	
35	H62626850200000035	THAI THI PHUONG THAO	女	2002-11-10	040302018090	LE4.22	
36	H62626850200000036	LE THI OANH	女	2003-10-26	040303013740	LE4.22	
37	H62626850200000037	HO THI KHANH LY	女	2004-06-25	040304002989	LE4.22	
38	H62626850200000038	HO THI LE NA	女	2004-04-02	042304007642	LE4.22	
39	H62626850200000039	LE THI NAM	女	2003-11-12	064303001365	LE4.22	
40	H62626850200000040	NGUYEN THI NHU Y	女	2004-05-26	089304013515	LE4.22	
41	H62626850200000041	HOANG MINH ANH	女	2009-10-02	E04608667	LE4.22	

